ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI TRONG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027

(kèm theo Quyết định: 2843 /QĐ-ĐHCN ngày 11 tháng 11 năm 2026, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)

I. Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn (mỗi sinh viên được cấp 140.000đ/tháng x 6 tháng; thời gian cấp từ tháng 09/2026 đến hết tháng 02/2027)

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Ngành	Số tiền/HK (đ)
1.	22021519	Lê Hoàng Anh Lượng	03/06/2004	Tày	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	840.000
2.	22021524	Hoàng Thái Sơn	06/01/2004	Tày	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	840.000
3.	22028270	Nguyễn Quang Trung	07/08/2004	Tày	Khoa học máy tính	840.000
4.	23020817	Võ Viết Hoàng	27/12/2005	Mường	Khoa học máy tính	840.000
5.	23020849	Lê Thị Linh Nga	05/12/2005	Mông	Khoa học máy tính	840.000
6.	23021026	Đàm Đức Mạnh	22/02/2005	Hoa	Cơ kỹ thuật	840.000
7.	23021107	Đồng Văn Hải	03/11/2026	Thái	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	840.000
8.	23021385	Bùi Mạnh Dũng	13/09/2005	Mường	Công nghệ hàng không vũ trụ	840.000
9.	23021566	Lưu Văn Hùng	05/03/2004	Mường	Khoa học máy tính	840.000
10.	24020664	Đặng Minh Tiệp	06/03/2006	Dao	Khoa học máy tính	840.000
11.	24021266	Đinh Hà Giang	10/09/2006	Mường	Công nghệ hàng không vũ trụ	840.000
12.	24021408	Lục Thị Diệp	27/12/2006	Nùng	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	840.000
13.	24021420	Bạch Công Dũng	01/04/2006	Mường	Khoa học máy tính	840.000
14.	24022089	Nguyễn Văn Bình	01/04/2006	Mường	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	840.000
15.	24022201	Lô Thị Diệu Son	05/11/2006	Thái	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	840.000
16.	24022839	Bùi Anh Tuấn	11/12/2006	Mường	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	840.000
17.	25022782	Nông Văn Bách	23/11/2007	Nùng	Trí tuệ nhân tạo	840.000
18.	25023413	Trần Xuân Triều	01/02/2007	Mường	Hệ thống thông tin	840.000
19.	25023673	Hoàng Nông Tuấn	28/04/2007	Tày	Kỹ thuật robot	840.000
20.	26023324	Nông Thu Quỳnh	15/09/2008	Tày	Hệ thống thông tin	840.000

Danh sách có 20 sinh viên./.

II. Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ và không nơi nương tựa (mỗi sinh viên được cấp 100.000đ/tháng x 6 tháng; thời gian cấp từ tháng 09/2026 đến hết tháng 02/2027)

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Ngành	Số tiền/HK (đ)
1.	22027178	Lê Quốc Đạt	18/04/2004	Kinh	Công nghệ hàng không vũ trụ	600.000

Danh sách có 01 sinh viên./.

III. Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế và vượt khó học tập (mỗi sinh viên được cấp 100.000đ/tháng x 6 tháng; thời gian cấp từ tháng 09/2026 đến hết tháng 02/2027)

STT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngành	Điểm TBCHT HKII năm học 2025-2026	Kết quả rèn luyện HKII năm học 2025-2026	Số tiền/HK (đ)
1.	24020921	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/09/2006	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	3,06	Tốt	600.000
2.	24022314	Trần Bùi Hà Giang	20/11/2006	Trí tuệ nhân tạo	3,59	Xuất sắc	600.000
3.	24022951	Trịnh Thị Thanh Bình	11/02/2005	Thiết kế công nghiệp và đồ họa	3,30	Xuất sắc	600.000
4.	25021700	Phạm Hải Dương	24/01/2007	Khoa học máy tính	3,80	Xuất sắc	600.000

Danh sách có 04 sinh viên./.